



Người Vợ Mắt Tích

Hoàng Hải Thủy

— 3 —

Tôi không có thể chờ đợi nhiều, lâu. Tôi cần biết rõ ngay trong thời gian ngắn nhất. Tôi nhìn quanh hy vọng tìm được một nhà nào có người ở gần nhất để tôi có thể hỏi thăm. Vì la ngay bên cạnh đó có người ở. Tôi thấy cô bé nhìn qua cửa sổ ra chỗ tôi đứng. Tôi giơ tay vẫy cô bé. Cô bé trạc trên dưới mười tuổi, giơ tay vẫy lại tôi. Cô bé thông minh nên hiểu rằng tôi muốn hỏi thăm cô. Cô quay lại nói với người nào đó trong phòng. Một bà già nhìn qua vai cô ra ngoài. Thấy tôi, bà quay vào. Một lúc sau có một người đàn bà có vẻ là chị vú ra cổng. Tôi đi vội qua:

– Chị làm ơn cho tôi hỏi thăm... Tôi muốn biết Bà ở vì la bên này đi vắng đã lâu chưa?

Gia đình tôi hỏi chắc chắn phải là một gia đình gia giáo, hoặc ít nhất, chủ nhà phải là một người rất tốt, vì chị vú vui vẻ trả lời tôi ngay:

– Thưa... tôi không được biết rõ lắm. Mời thầy vô nói chuyện với bà chủ tôi. Bà tôi chắc biết...

Tôi ngần ngại:

– Sợ phiền bà chủ...

– Thưa không sao. Bà chủ tôi mời thầy vô. Bà chủ tôi với bà bên đó có quen...

Tôi quay lại ra hiệu cho ông tài xe lô chờ và bước vào nhà. Bà chủ là bà già mà tôi trông thấy bên cửa sổ sau cô bé hỏi nãy. Bà trạc ngoài năm mươi tuổi, tóc bạc người nhỏ nhắn, trông thật đẹp lão. Nhìn bà, tôi nhớ lại mẹ tôi ngày xưa. Mẹ tôi cũng “đẹp” như bà cụ này. Ở đời có nhiều người đàn bà đẹp từ lúc trẻ đến già vẫn đẹp. Cái đẹp lúc già có khác, nhưng vẫn là đẹp. Trong số đó có mẹ tôi và bà cụ tiếp chuyện tôi ở Sài Gòn buổi sáng trời mưa này. Bà cụ tiếp tôi với một vẻ vui và niềm nở như tôi là người quen biết từ lâu. Bà cụ không tỏ ra có chút nghi ngờ nào về tôi hết. Bà cho tôi biết rằng bà là người Bắc di cư, trước bà ở Hà Nội, bà có ba ông con trai. Cả ba ông con đều ở trong quân ngũ. Ông cả hiện nay đã là Quan Tư hay Quan Năm gì đó. Bà cụ không phân biệt được hai cấp Trung tá và Đại tá của ông con. Cậu nhỏ nhất vừa mới ra trường sĩ quan Đà Lạt. Một ông, có lẽ là ông thứ hai, làm tỉnh trưởng. Bà cụ đã có nhiều cháu nội, cháu ngoại. Cô bé xúu tôi thấy ngồi cạnh bà cụ đó là cháu nội của bà cụ. Tôi ngồi nghe chuyện mà lòng nóng như ngồi trên lò lửa. Song tôi không dám ngắt lời bà cụ. Có thể nói là tôi cũng không muốn ngắt lời. Tôi sợ tôi lại gặp thất vọng lớn. Mà đúng như sự sợ hãi của tôi, sau cùng, bà cụ nói đến chuyện bà mẹ vợ tôi. Bà có quen và hay gặp Bà Ngà. Cả hai bà cùng là bà góa. Bà Ngà mới tới đây được nửa năm nhưng vừa tới là hai bà làm thân với nhau ngay. Bà cụ khen ngợi bà mẹ vợ tôi hết lời.

Cứ nghe bà cụ nói, bà mẹ vợ tôi là một bà lịch sự nhất đời. Lịch sự, đẹp mà lại còn trẻ, lại sống cuộc đời gương mẫu, không chút tí vết. Không, Bà Ngà không đau ốm gì hết. Nghĩa là bà cụ không thấy bà Ngà đau nặng đến nỗi phải vô bệnh viện, cũng không thấy có bác sĩ đến nhà. Từ ngày dọn về đây, Bà Ngà vẫn khỏe mạnh. Bà Ngà có nói là về ở đây, nhờ yên tĩnh, bà khỏe hơn hồi bà ở trên phố nhiều lắm. Bà Ngà đi vắng được chừng nửa tháng nay. Trước hôm đi, Bà Ngà có qua đây và nói là đi Đà Lạt hay Nha Trang gì đó để đổi gió. Bà Ngà có nhiều bà bạn sống ở những nơi đó nên ở Sài Gòn chán, bà lại đi chơi. Chính Bà cụ cũng hay đi chơi như vậy. Bà Ngà có gửi nhà cho bà cụ bên này để ý coi dùm, vì bà chỉ có một cặp vợ chồng người làm và nhân dịp bà chủ đi vắng, cặp vợ chồng này cũng xin phép về thăm quê. Bà cụ có nghe Bà Ngà nói nhiều đến cô con và chàng rể, tức là bà cụ có nghe nói nhiều đến vợ chồng tôi. Theo lời Bà, Bà Ngà rất quý tôi và rất trọng tôi. Bà cụ tỏ ra buồn tiếc nhiều về việc tôi từ Nam Vang cất công về đây thăm bà mẹ vợ mà lại không được gặp. Bà cụ hỏi tôi có biết nhà người quen của mẹ vợ tôi ở Đà Lạt hay ở Nha Trang không? Bao giờ thì tôi phải về Nam Vang? Bà cụ còn hỏi thăm vợ tôi nữa.

Tôi hỏi bà cụ trong khoảng mấy ngày vừa rồi có ai tới hỏi thăm bà Ngà không? Không. Không có ai hết. Bà cụ ở nhà suốt ngày, và qua cửa sổ, bà cụ nhìn thấy con phố này suốt từ đầu phố. Bà cụ nhìn rõ tất cả những gì xảy ra bên nhà Bà Ngà. Bằng cách là tôi vừa tới gọi cổng, bên này bà cụ đã biết ngay. Tôi hỏi rõ Bà có thấy một thiếu phụ nào trạc hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi ăn bận lịch sự, tới hỏi Bà Ngà trong vòng bảy ngày trở lại đây không? Bà cụ quả quyết là không. Tôi không muốn làm phiền bà cụ. Nếu tôi kể cho bà cụ biết rằng tôi nghi vợ tôi bị bắt cóc và sự thật thấy rõ là cho tới bây giờ, vợ tôi đã mất tích, tôi chỉ làm cho bà cụ kinh sợ, rối loạn vô ích. Cho đến phút này, tôi được biết hai chuyện rõ ràng: một là Bà Ngà không có mặt ở Sài Gòn trong

lúc có một kẻ nào đó gọi một điện tín lên Nam Vang cho Ngọc nói rằng Bà Ngà đau nặng và gọi Ngọc về gấp, hai là Ngọc không tới được nhà mẹ nàng.

Con đường dài dằng dặc dưới trời mưa tầm tã đưa tôi trở về trung tâm thủ đô. Trời vẫn còn mưa lớn. Người ta nói rằng thời tiết miền Nam từ vài năm nay đã thay đổi nhiều. Trước đây những cơn mưa ở Sài Gòn không bao giờ kéo dài quá một tiếng đồng hồ. Bây giờ thì mưa liên miên, có thể là mưa suốt ngày. Và Sài Gòn có những ngày lạnh phải bận áo rét nữa. Sự thay đổi có lẽ là vì ảnh hưởng của những vụ thử bom nguyên tử. Tôi trở về khách sạn và nhận được tin của Huy gọi lại bằng dây nói. Huy cho tôi biết là Huy bận việc đến khuya và hẹn gặp tôi vào sáng hôm sau. Một mình tôi sống trong phòng khách sạn cô đơn giữa một thành phố gần như là hoàn toàn xa lạ. Tôi thức gần trắng đêm với những yếu tố của một bài toán không thể nào tìm được giải pháp.

Huy... Tại sao tôi lại phải viết cho Huy những dòng này? Tại sao? Vì Huy với tôi chỉ là một, Huy cũng như là tôi vậy. Chúng ta thân nhau và hiểu nhau, thương nhau hơn tất cả những người bạn thân thiết, yêu thương nhau nhất trên cõi đời này. Nếu không có Huy buổi sáng hôm đó, đời tôi không biết đã ra sao. Có thể tôi đã chết vì tuyệt vọng. Huy có thấy tôi yếu đuối quá không Huy? Sáng hôm đó, Huy cho tài xế đem xe đến khách sạn đón tôi. Tôi đi tới văn phòng của Huy với một tâm trạng nao nê, nặng trĩu, hoàn toàn chán chường và tuyệt vọng. Nếu không có Huy, chắc chắn tôi đã bỏ cuộc trước khi bắt tay vào cuộc tìm kiếm. Nhưng chỉ vài lời nói thật đúng chỗ của Huy, những lời nói đúng, không thừa không thiếu, Huy đem lại cho tôi niềm tin và sự can đảm cần thiết. Huy đặt tôi trở lại đúng con đường mà tôi phải đi. Huy nói với tôi về Ngọc. Lời nói thật đúng lúc vì tôi đang cần nghe nói về nàng. Chúng ta cùng nhau ôn lại tất cả những sự việc đã xảy ra và đi đến kết luận rằng chỉ có cảnh sát mới có thể giúp tôi trong vụ này và bây giờ đã đến lúc chúng ta phải báo cho cảnh sát biết nội vụ. Và phải báo ngay cho cảnh sát biết. Cũng nhờ Huy, tôi tránh được tất cả những phiền nhiễu và mất thì giờ vì những thủ tục khai báo, chờ đợi. Nửa tiếng đồng hồ sau đó, tôi đã ngồi trong phòng làm việc của Thiếu tá Đặng Như Trinh, Đặc trách Sở Truy Tầm của Tổng Nha CSQG. Nếu không có Huy và sự quen biết cùng uy tín của Huy, tôi không thể có hy vọng gì ngay trong buổi sáng thứ bảy đi thẳng vào gặp ngay người cao cấp nhất của Sở Truy Tầm và nhờ đi tìm một người không phải là một nhân vật chính trị. Từ trước, vì những thành kiến và những điều mắt thấy, tai nghe tôi vẫn không ưa những người làm nghề cảnh sát, một nghề mà tôi cho rằng chuyên đi bắt bớ, làm hại người khác và vô cùng thất đức. Song tôi phải thành thực mà nhận rằng Thiếu tá Trinh là một người hành nghề cảnh sát có học thức, và nếu tôi không làm, có nhiều đức độ. Không phải vì ông ta nhận lời giúp tôi, nếu gặp ông ta ở một nơi nào khác, tôi có cảm tình ngay với ông.

Thiếu tá Trinh có vẻ bình tĩnh, học thức, lịch sự. Ông có cái vẻ mềm dịu của những người hành động cương quyết và nhẫn nại. Cảnh sát thời xưa, tôi muốn nói là dưới thời Tây và Bình Xuyên nắm quyền “công an, cảnh sát” ở Saigon, những nhân vật cao cấp của họ không thể có những đức tính như Thiếu tá Trinh. Thiếu tá Trinh nghe lời tôi kể. Không một giây phút nào, cũng như không có một cử chỉ nào của ông làm cho tôi hiểu rằng ông muốn coi nhẹ sự lo âu của tôi, hoặc coi chuyện của tôi là một chuyện không quan trọng. Ông nói ít, và suốt buổi, ông chỉ nói với tư cách của một sĩ quan cảnh sát. Ông không hề tỏ ra nghi ngờ những gì tôi nói. Ông không công nhận mà cũng không phủ nhận ngay rằng việc vợ tôi vắng nhà là một vụ bắt cóc. Nếu có đưa ra những giả thuyết – tự nhiên là một cảnh sát viên quen thuộc với những vụ mất tích và đi tìm phải có nhiều giả thuyết và phải nắm được đầy đủ những dữ kiện của người vắng mặt – Thiếu tá Trinh cũng trình bày những giả thuyết của ông với một vẻ lịch sự hiếm có. Ông đưa những giả thuyết có thể làm cho tôi buồn với một vẻ hối tiếc mà phải nói như thế.

– Ông có thể đoán chắc với tôi... là giữa ông và Bà nhà không hề có sự hiểu lầm nhau chăng? Ông có chắc chắn rằng bà ấy không dấu ông một chuyện gì chăng? Tôi muốn nói rằng... có thể nào bà vợ ông dấu ông một chuyện gì đó có thể giải thích được sự vắng mặt của bà ấy?

Nghe hỏi câu đó tôi cố nén để cơn giận của tôi không nổ bùng ra. Tôi đã để cơn giận của tôi nổ ra một lần khi ông Cò Sam ở Nam Vang nói một câu tương tự. Hôm nay, tôi nén cơn giận dễ dàng, vì Thiếu tá Trinh không hay biết gì về con người của Ngọc. Cả hai người, Cò Sam cũng như Cò Trinh, đều đáng được tôi tha thứ và đáng được hưởng trường hợp tha thứ. Họ đều là những người làm một cái nghề đục chạm và quen thuộc nhiều với dối trá, tội lỗi và thảm kín. Nhưng tôi có thể làm sao để giải thích cho Cò Trinh cũng như Cò Sam hiểu rằng họ nghi ngờ làm...? Tôi có thể dùng những lời lẽ nào để họ có thể hiểu được một phần trong số cả ngàn triệu phần yêu thương của vợ chồng tôi? Làm sao tôi có thể làm cho họ nhận thức được một phần nhỏ xíu mối tình Ngọc yêu tôi? Phản ứng của tôi không giống chút nào phản ứng của một người chồng nghi vợ... lừa dối mình. Không, nói thẳng ra tiếng đó nghi vợ ngoại tình. Vì tôi không nghi nên tôi không có mặc cảm. Tôi có thể nói thẳng tới danh từ “ngoại tình” đó.

Thực ra, nếu tôi biết chắc rằng Ngọc yêu một người đàn ông nào khác, tôi sẽ đau đớn lắm. Nỗi đau đớn của tôi sẽ rất khủng khiếp. Nhưng tôi tin rằng cơn đau đớn qua đi, tôi sẽ có thể tha thứ nàng. Tôi yêu Ngọc đến cái độ tôi có thể xa nàng, có thể để cho nàng xa tôi đi sống bên người nàng yêu nếu việc đó làm cho nàng sung sướng. Tôi biết ở đời này ít có người chồng nào có thể yêu vợ mình đến có thể vui vẻ để cho vợ đi sống với người khác. Tình yêu nhiều vị kỷ, bản chất của tình yêu nam nữ – theo quan niệm của tôi – là vị kỷ. Cũng có nhiều người đã nói như tôi, nhưng ít ai làm được như lời nói. Song tôi tin rằng tôi có thể làm được đúng và ở đời này có hai người tin rằng tôi nói đúng và tôi có thể làm được đúng như lời tôi nói. Hai người đó là Ngọc và Huy. Tôi chắc chắn Huy cũng nghĩ như tôi, vì Huy cũng biết Ngọc và biết rõ mối tình của chúng tôi. Đó là chuyện Ngọc không thể nào nói dối tôi. Không thể được vì nàng là một phần của chính tôi. Nàng là tôi rồi. Người ta có thể nói dối người khác nhưng không ai có thể nói dối chính mình. Nếu tay chân ta bị đau, ta phải biết ngay chứ. Làm sao tay chân ta có thể lừa dối làm cho ta thấy là không đau cho được...? Giữa tôi và Ngọc, lừa dối là hai tiếng không có nghĩa lý gì hết. Ngọc là một phần của thân thể tôi. Tay chân tôi có thể lìa xa tôi vì tai nạn, nhưng nếu nói tay chân tôi tự ý xa tôi là một lời nói hoàn toàn vô lý. Lẽ tất nhiên là tôi không thể nói những lời này với Cò Trịnh. (Ngay cả với Huy tôi cũng không nói được). Song, tôi tìm được những lời lẽ khác:

– Giả thuyết Thiếu tá đặt ra có thể đúng nếu vợ tôi xa tôi vì ý muốn của riêng nàng, nhưng dường như ông quên rằng vợ tôi đi vì có kẻ nào đó gửi cho nàng một điện tín báo tin rằng mẹ nàng đau nặng. Điện tín ấy cố nhiên là một điện tín giả chỉ cốt để lừa vợ tôi về Sài Gòn. Vì bà mẹ vợ tôi hiện không có mặt ở đây và tôi tin chắc rằng bà không đau yếu gì.

Thiếu tá Trịnh nở một nụ cười lịch sự và kín đáo:

– Ông đi tới kết luận dễ dàng và mau chóng quá. Trong nghề cảnh sát, chúng tôi vẫn quen rất thận trọng. Thận trọng và rất nhiều nghi ngờ. Muốn có bằng cứ đúng là bà nhạc của ông không đau yếu cần phải có lời xác nhận của chính bà ấy. Bằng cứ đó hiện có vẻ khó có được ngay vì bà ấy vắng mặt. Vậy chúng ta cần có trong tay tờ điện tín ấy để tìm coi nó được gửi đi từ đâu. Tức là cần biết xuất xứ của nó. Từ đó tìm ra người gửi điện tín đó. Nhưng tất cả phần điều tra đó không thể thực hiện được – ít nhất cũng là ngay lúc này. Tôi cũng nhận rằng có một sự liên hệ nào đó giữa điện tín ấy và sự vắng mặt của bà vợ ông. Nhưng chúng tôi không thể chỉ có từng ấy dữ kiện mà kết luận rằng bà Tuấn đã bị bắt cóc. Với tất cả những gì ông cho biết, chúng tôi chỉ có thể nói rằng Bà Hoàng Tuấn, nữ danh Đỗ Thị Như Ngọc... Aline Đỗ thị Như Ngọc... Vợ ông, không có tin tức gì cho ông chồng biết về bà ấy và nơi cư ngụ của bà ấy kể từ ngày bà ấy đặt chân vào phi cơ xuống phi trường Tân sơn Nhất cách đây 7 ngày.

Ông ta lại mỉm cười, nụ cười có nhiều hiền từ, khuyến khích hơn là mỉa mai:

– Nguồn tin có quá ít, nhưng việc của chúng tôi là việc chuyên tìm những người mất tích, vắng mặt. Và ông lại là bạn thân của Luật sư Huy... Luật sư có giúp cảnh sát chúng tôi rất nhiều. Đây là dịp để chúng tôi tỏ tài chuyên môn và đền ơn những người mà chúng tôi chịu ơn.

Nghe một ông cảnh sát nói đến ơn nghĩa và trả ơn là một chuyện mới lạ. Nhưng tôi không có thì giờ và tâm trí để nói, hỏi thêm về sự lạ ấy:

– Xin Thiếu tá cho tôi biết qua ông sẽ tiến hành việc giúp tôi như thế nào?

– Bằng những phương pháp thật cổ điển, nhưng cho đến bây giờ, nhất là ở xã hội ta, những phương pháp cổ điển ấy vẫn còn tỏ ra có nhiều hiệu lực và mau chóng có kết quả nhất.

– Như vậy nghĩa là...?

– Nghĩa là chúng tôi sẽ khởi sự tìm ở những bệnh viện. Việc kiểm soát này sẽ được làm thật mau và dễ dàng. Và tôi có thể nói ngay với ông là tôi nghĩ là chúng ta sẽ không tìm thấy Bà Aline trong các bệnh viện. Bởi vì nếu bà ấy gặp tai nạn, người ta đã tìm ra ngay căn cước của bà ấy và ông đã được báo cho biết. Các bệnh viện ở Sài Gòn hiện nay có tổ chức một ngành để báo tin cho thân nhân biết những nạn nhân. Có khi Bà Aline có thể bị thương vì bị hành hung, bị cướp và mất giấy căn cước, nhưng trong trường hợp này, chúng tôi đã được báo tin cho biết. Các bệnh viện, các nhà thương điên, các nhà xác... có nhiệm vụ báo ngay cho chúng tôi biết khi họ có những nạn nhân vô danh. Chính tôi coi báo cáo đó mỗi ngày và từ một tuần nay tôi không thấy có người nào có hình mạo có thể nghi là bà Aline... Tuy nhiên, tôi cũng cho tìm lại lần nữa cho chắc chắn...

Đã lâu lắm tôi không được nghe ai nói đến cái tên Aline thật đẹp của Ngọc. Hồi mới kết hôn, tôi thường gọi Ngọc với tên đó. Sau này tôi chỉ gọi nàng là Aline trong những lá thư tôi gửi về cho nàng. Giờ đây tôi xúc động khi nghe Cò Trịnh nói đến tên đó. Trịnh gọi vợ tôi là Aline thật đúng là lịch sự. Tôi đang xúc động vì cái tên riêng của vợ tôi. Cò Trịnh làm cho tôi rùng mình khi ông nói đến nhà xác. Dạ đây tôi quận lại rõ ràng. Tôi như người muốn ói mửa. Song tôi nghĩ không thể có chuyện ấy được. Làm gì mà vào tới nhà xác. Bậy... Lần đầu tiên, tôi thấy Thiếu tá Trịnh nói bậy.

Như không biết phản ứng đó của tôi, Thiếu tá Trịnh nói tiếp:

- Sau những nơi đó, chúng tôi đi tìm... theo đúng thủ tục, những khách sạn, những chung cư cho mượn phòng ngày hoặc tháng. Sau những lời ông nói, rất có thể là Bà ấy hiện ở trong một khách sạn nào lắm. Có khi bà ấy ở khách sạn ông đang ở.
- Tôi đã hỏi ở khách sạn tôi hiện ở rồi. Những lần về Sài Gòn trước đây vợ tôi thường tới đó ngụ, nhưng lần này không có.

Thiếu tá Trịnh nhìn lên tập lịch để bàn:

- Bây giờ là thứ bảy. Chúng tôi sẽ xúc tiến cuộc điều tra ngay. Đến sáng thứ ba nếu vẫn không có tin gì về Bà Aline, chúng tôi sẽ ra lệnh cho tất cả các Ty Cảnh sát tỉnh tìm bà ấy. Ngoài ra, chúng ta còn có thể đăng báo nhờ tìm, loan tin và tả hình dạng bà ấy trên đài phát thanh, đăng hình bà ấy trên báo... Và hiệu nghiệm nhất là nhờ TiVi phát hình bà ấy, nhờ tất cả mọi người nếu ai thấy bà ấy ở đâu, cho chúng tôi biết. Hồi này Sài Gòn mới có TiVi, nhiều người ham coi TiVi lắm. Mà ông có mang theo hình bà ấy đấy chứ?

- Tôi có hình nhà tôi ngay đây.
- Thật may. Tôi đã gặp nhiều ông chồng yêu thương vợ lắm, đi tìm vợ mà không có một tấm hình nào của bà vợ yêu mến hết... Có nhiều ông còn không làm sao tả nổi được hình dáng của bà vợ mới khổ cho chúng tôi chứ.

Lúc nào tôi cũng mang theo trong ví tôi hai tấm hình của Ngọc. Đây là hai tấm hình mà tôi ưa nhất trong số những bức hình đẹp mà nàng chụp. Một tấm do chính tôi dùng máy Canon chụp cho nàng ở Biển Hồ cách đây chừng một năm. Trong hình Ngọc bận áo sweater, quần jean, tóc nàng bay theo chiều gió, miệng nàng cười tươi, một tay nàng dơ lên vẫy gọi. Một hình do thợ hình nhà nghề chụp trong phòng có đèn. Trong hình này Ngọc cũng cười tươi. Hai tấm hình chụp “trung thành”, nghĩa là giống nàng lắm. Song tôi thấy rõ là chúng không thể nào ghi lại được vẻ tươi mát, yêu đời và tính yêu đời, yêu tôi của nàng. Từ người nàng có phát xuất một luồng nhân điện mà gần nàng không ai là không bị thu hút, bị ảnh hưởng. Ý nghĩ này làm cho tôi nhớ lại tôi có đọc trong một cuốn khảo luận về tôn giáo một đoạn văn viết về những con người thánh thiện ở cõi đời này, sống giữa chúng ta, vẫn có những người đức độ, thánh thiện, và gần những người đó, con người chúng ta thấy cao đẹp hơn, an lạc hơn. Có lẽ người viết đã viết đúng. Ngọc không phải là một người “thánh thiện” như một nhà tu hành. Ngọc là người có nhiều tình yêu nên gần nàng, người ta bị lây niềm tin vui và yêu đời của nàng.

Cò Trịnh yêu cầu tôi đưa hai tấm hình ấy của Ngọc cho ông. Tôi còn vài tấm hình đẹp nữa của Ngọc để trong cặp da và trong va li, nhưng tôi ngần ngại khi phải xa hai tấm hình này, tôi có cái cảm giác đau đớn khi trao hình cho người lạ, như làm như vậy tôi lại phải xa Ngọc thêm chút nữa. Việc phải viết đầy bản mô tả tướng mạo, hình dạng của người mất tích còn là một cực hình tàn nhẫn hơn nhiều. Có một cái gì đó phải kể là “vô nhân đạo” trong những câu hỏi in sẵn trên tờ giấy. Những câu hỏi thật chính xác nhưng không có một câu nào hợp với người thân yêu của chúng ta. Và đúng như Cò Trịnh vừa nói, tôi là chồng nhưng tôi vẫn ngần ngại khi phải diễn tả hình dáng của vợ tôi. Tôi không biết trả lời như thế có đúng hay là sai. Trán rộng hay hẹp? Mũi cao hay thấp? Da trắng? Da xanh? Mắt dài hay tròn? Đặc điểm?? Tôi có cảm giác như phải mô tả một xác chết. Khi trao lại cho Cò Trịnh bản mô tả, tôi hỏi bằng một giọng ngại ngùng:

- Thiếu tá cũng cho người đi tìm ở phi trường chứ?
- Tất nhiên. Nhưng tôi không hy vọng có kết quả mấy. Phi trường là nơi có nhiều người ra vô. Những người làm ở đó sẽ không nhớ được riêng một ai hết.
- Thiếu tá cho biết... đến bao giờ tôi hy vọng được biết... một vài kết quả?
- Tôi không thể trả lời ông ngay như thế này được. Những cuộc điều tra tìm người như thế này thường có những kết quả không giống nhau. Có khi chỉ vài ngày là ra. Có khi kéo dài hàng tháng. Nhưng đặc biệt với ông, chúng tôi sẽ làm hết sức và tôi sẽ báo ngay để ông biết nếu có gì xảy ra, hay không có gì mới cũng vậy. Hiện ông ở đâu?

- Tôi ở khách sạn Continental và tôi sẽ còn ở đấy mãi.

- Có gì tôi sẽ gọi điện thoại về đó cho ông hay. Về phần ông, ông muốn gọi điện thoại cho tôi hay tới đây gặp tôi giờ nào cũng được.

Tôi lo ngại khi đặt câu hỏi cuối cùng:

- Thiếu tá có thể cho tôi biết... ông tiên đoán về vụ này ra sao?
- Tôi biết nói sao bây giờ? Cuộc điều tra chưa tiến hành... và chắc ông cũng biết rằng những người cảnh sát chúng tôi không bao giờ tiên đoán hết.

Tôi cố nài:

- Nhưng... tôi nghĩ Thiếu tá có thể nói những cảm tưởng riêng của ông về vụ này. Ông có thể nói với tư cách riêng... Như người bạn nói với bạn...

Ông ta suy nghĩ vài giây trước khi nói:

- Nếu ông muốn biết ý kiến của tôi, tôi chỉ có thể nói được là bà vợ ông có thể đã bị lừa vào một cạm bẫy. Bức điện tín bà ấy nhận được chứng minh điều đó. Nhưng bà ấy đã bị lừa với mục đích gì? Nếu là bắt cóc để đòi tiền chuộc, ông đã được báo tin để sửa soạn tiền rồi chứ?
- Có thể nào tin báo của bọn bắt cóc đã tới địa chỉ của tôi ở Nam Vang mà tôi lại về đây nên không nhận được chẳng?
- Cũng có thể lắm. Ông có nhiều bạn thân ở trên đó và các bạn ông sẽ thông tin cho ông nếu trên đó có chuyện gì xảy ra mà ông cần biết chứ?

Cuộc nhờ cậy, khai báo và nói chuyện riêng đến đây là chấm dứt. Tôi không còn làm được gì hơn là cáo từ. Cuộc khai báo này làm cho tôi thêm thất vọng và buồn hơn. Khi cáo từ Thiếu tá Trịnh, tôi có cảm giác như tôi càng đi xa Ngọc hơn trước. Tôi xa nàng hơn vì tôi đã làm cho sự vắng mặt của nàng trở nên “công khai” và do đó, làm cho sự xa cách thêm xa hơn, sâu rộng hơn, khó hàn gắn hơn.

Trước khi đi khai báo với cảnh sát, tôi còn hy vọng ở một phép lạ. Giờ đây tôi chỉ còn có thể hy vọng ở cuộc điều tra của cảnh sát. Tôi thất vọng và cảm thấy buồn hơn là vô lý. Huy nói cho tôi biết như thế với giọng nói hiền từ nhưng cương quyết của Huy. Chính tôi cũng nhận thấy tôi buồn vô lý nhưng tôi vẫn không thể nào có thêm hy vọng. Huy an ủi và cố gắng truyền cho tôi một chút niềm tin của Huy trong lúc chúng ta ăn trưa với nhau trong tiệm ăn nhỏ nhưng sang và ngon ở vùng Chợ Cũ. Huy còn nhớ bữa ăn đó chứ? Vợ chồng ông Chủ Tây cùng xuất hiện và thân lấy các món gọi của chúng ta. Ông Tây niềm nở khuyến cáo chúng ta các món ngon nhất trong ngày và đặc biệt đãi chúng ta một chai rượu vang loại không còn có bán ở Đông Dương nữa. Dường như đi tới đâu, gặp bất cứ ai, Huy cũng được kính nể. Sự kính nể chen lấn niềm yêu mến. Chỉ thấy sự kính mến Huy của người khác, tôi cũng biết Huy đã làm tốt cho nhiều người. Người ta sợ những ai có quyền lực, nhưng người ta chỉ mến những người có lòng tốt, có đức độ.

Trong bữa ăn đó, chúng ta cùng nhau ôn lại những kỷ niệm cũ của thời thơ ấu xa xưa: nhiều nhất là lần đầu tiên chúng ta gặp nhau trong sân Trường Bưởi – thời đó thường được gọi là Lycée Protectorat – ngày đó tôi là một chú học trò mới, khờ khạo và nhút nhát trong lúc cũng là học trò mới như tôi, Huy đã tỏ ra vui vẻ, không sợ sệt và tinh anh. Trước mắt tôi, Huy thời đó là tượng trưng cho sự tinh anh, thông minh, tự chủ như một hiệp sĩ đạo, tháo vát và chắc chắn là mai sau sẽ thành công đẹp đẽ trong đời. Chúng ta kết bạn với nhau trong sân trường ngay từ phút đầu tiên chúng ta gặp nhau, nhìn thấy nhau. Tôi muốn gần Huy, muốn được là bạn với Huy vì tôi thán phục sự tinh anh và bạo dạn vui vẻ, yêu đời của Huy. Còn Huy? Tôi vẫn nghĩ rằng Huy muốn gần tôi là vì tôi là một đứa trẻ có vẻ ngoài khác hẳn với Huy. Tôi nhút nhát, sợ sệt, muốn cười đùa lắm mà không dám cười đùa. Huy đã bên vực tôi trong suốt những năm học dài chúng ta sửa soạn thành người ấy. Từ ngày gặp nhau đầu tiên ở sân trường đó cho đến mãi tận bây giờ, Huy là bạn tôi. “Bạn” với cái nghĩa “Bạn” của người đời xưa, bạn có thể hy sinh tất cả vì nhau chứ không là bạn theo cái nghĩa “Bạn: camarade” của người bây giờ. Ngoài Huy, tôi cũng có nhiều người bạn khác, nhưng chỉ có Huy mới là “bạn” tôi. Viết đến đây tôi mới nhớ đến một câu chuyện về bạn hữu mà tôi được đọc trong một tập Truyện Cổ Nhật Bản. Truyện kể một thanh niên Nhật đi du học ngoại quốc mấy năm mới trở về nước. Thanh niên về nhà, vào chào mừng ông bố. Ngồi hầu bố một lúc anh nói: “*Bây giờ con xin phép bố con đi thăm mấy người bạn thân của con...*” Ông bố nghe nói kinh hoàng mà hỏi “*Con nói con có những mấy người bạn thân ư? Nếu đúng như con nói thì con có phước lắm. Vì bố đây, suốt đời bố, bố tìm mãi mà cho đến tận bây giờ, bố vẫn chưa thấy bố có một người bạn thân nào cả...*” Truyện cổ này muốn chứng tỏ hai điều. Một là người đời thường dùng sai danh từ “bạn” và hai là, ở đời này, chúng ta khó lòng có được lấy một người bạn đúng nghĩa là “bạn”. Phải không Huy? Nhưng tôi may mắn hơn ông trưởng giả Nhật bản trong truyện, tôi đã có được một người bạn, người đó là Huy.

Ngày mới bước chân vào Trường, tôi chỉ là một thiếu niên tinh lẻ, khờ khạo, ngốc nghếch. Còn Huy, Huy được sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Gia đình Huy giàu sang, quyền lực trong khi cha tôi chỉ là một tiểu công chức và mẹ tôi là người đàn bà quê mùa. Có thể nói là Huy muốn gì được nấy và Huy có thể kết bạn với bất cứ người thiếu niên tinh anh nào mà Huy thấy có mặt trong trường. Nhưng Huy đã chú ý đến tôi, một gã thiếu niên tinh lẻ vừa nghèo vừa ngốc không đáng làm bạn với Huy chút nào. Và Huy đã hướng dẫn cho tôi trong cuộc sống, trong việc học. Nói đúng ra là Huy đã giúp cho tôi trở thành “người”. Tất cả những gì tôi có thể kể là tôi có, là sung sướng, là thành công hôm nay phần lớn là nhờ Huy giúp. Lẽ tự nhiên là cuộc đời đã làm cho chúng ta ở xa nhau, nhưng cuộc đời không thể làm cho chúng ta chia rẽ. Thời gian cũng như không gian không có ảnh hưởng gì hết đến tinh thần của chúng ta. Mãi mãi chúng ta vẫn thân nhau như ngày đầu.

Ngay chiều hôm đó, khi tôi trở về khách sạn vào lúc 4 giờ chiều, tôi ngạc nhiên khi nhận được một tin của Thiếu tá Trịnh gửi lại bằng điện thoại. Ông yêu cầu tôi gọi điện thoại lại văn phòng của ông gấp. Tôi lại có một hy vọng vô lý: có thể nào cảnh sát đã tìm ra...? Cảnh sát Sài Gòn hoạt động hữu hiệu đến như vậy chăng? Chỉ có mấy tiếng đồng hồ đã tìm ra ngay...? Nhưng ngay sau đó tôi trấn tĩnh lại được. Tôi tự biết rằng điều mà tôi hy vọng là hoàn toàn vô lý. Tôi mới gặp và nhờ Thiếu tá Trịnh mở cuộc điều tra tìm dùm sáng nay. Cuộc điều tra có thể là chưa bắt đầu. Chắc là Thiếu tá Trịnh cần tôi cho ông biết thêm một chi tiết nào cần thiết mà hồi sáng nay ông chưa hỏi. Tôi cũng lấy làm lạ vì chiều nay là chiều thứ bảy, Thiếu tá Trịnh làm việc cả chiều thứ bảy sao? Không suy nghĩ gì nhiều vô ích, tôi yêu cầu cô điện thoại viên của khách sạn cho tôi nói chuyện với số điện thoại riêng của Thiếu tá Trịnh. Một phút sau, tôi nghe thấy tiếng nói trầm trầm của Thiếu tá Trịnh vang lên trong ống nói. Khi nghe tôi xưng danh, giọng nói của ông vẫn không thay đổi:

– Ông Tuấn ạ. Tôi không muốn trách gì ông đâu... Nhưng hồi sáng nay tôi đã yêu cầu ông nói thật cho tôi biết tất cả mọi chi tiết về đời tư của bà Aline, dù là những chi tiết nhỏ nhặt nhất. Tôi cần biết tất cả để dễ xúc tiến cuộc điều tra hơn. Nhưng tại sao ông dấu tôi chứ...? Nếu không cố ý dấu tôi thì tôi không thể hiểu tại sao ông quên không kể cho tôi nghe một sự việc quan trọng đến như thế...?

Ngạc nhiên, tôi đáp ứng:

– Sự kiện gì? Tôi không hiểu? Tôi chẳng dấu ông chuyện gì hết...!

– Chuyện tai nạn xe hơi của bà ấy năm nào đó...! Dù chuyện tai nạn ấy không có liên hệ gì trực tiếp đến vụ bà ấy bị mất tích, chúng tôi cũng cần phải được biết... Cũng may ở đây chúng tôi có đủ hồ sơ và chúng tôi quen làm việc theo đúng thủ tục. Có thể mất thì giờ một chút nhưng chắc chắn hơn và không sợ có chuyện gì bất ngờ có thể xảy ra được. Thú thực với ông Tuấn rằng chính tôi, nhiều khi tôi cũng quên không áp dụng đúng những thủ tục cần thiết, nhưng tôi có một người phụ tá cừ khôi lắm. Sau này có thể ông sẽ gặp người phụ tá của tôi nhiều hơn tôi. Ông ấy là Thượng sĩ Bái. Tôi đã giao vụ của ông cho Thượng sĩ Bái lo về việc đầu tiên mà ông ấy làm là vào phòng Sưu Tra Lục Hình tìm xem có phiếu nào về bà Như Ngọc trong đó không...

Tôi vừa bực bội, vừa sợ, vừa giận:

– Phòng Sưu Tra Lục Hình? Vợ tôi có làm gì phạm pháp đâu mà...?

– Ông chẳng nên ngạc nhiên? Chắc ông cũng dư biết rằng chúng tôi có một phòng Lưu trữ căn cước tất cả những người có liên hệ gần xa đến cơ quan chúng tôi và Tòa án. Như ông chẳng hạn, khi ông xin xuất ngoại, chúng tôi có một phiếu căn cước của ông cất giữ trong đó để phòng khi cần đến. Như bản căn cước ông khai cho chúng tôi biết về bà Aline Như Ngọc sau này cũng được gửi vào đó cất giữ. Nói tỷ dụ như mai đây, nếu chúng tôi không thể tìm được bà ấy, hàng chục năm sau rất có thể chúng tôi vẫn có tài liệu để tìm ra bà ấy như thường. Chẳng hạn như, đây là tôi nói tỷ dụ thôi, vài ba năm nữa... bà ấy có muốn đi ra ngoại quốc... bà ấy phải xin xuất ngoại và khi làm hồ sơ cho bà người kế tiếp tôi giữ việc tôi làm hôm nay vẫn có thể biết được bà ấy là người mà chúng tôi đi tìm hôm nay...

Tôi nghẹn lời:

– Thiếu tá... Thấy tên vợ tôi có trong hồ sơ lưu trữ những người có tội?

– Tôi không nói là bà ấy có tội. Tên bà ấy có trong hồ sơ lưu trữ của chúng tôi chỉ là vì bà ấy có dính líu tới tai nạn xe hơi...

Tôi ngắt lời:

– Tai nạn nào?

Giọng nói của tôi chắc là làm cho Thiếu tá Trịnh tin rằng tôi không đóng kịch, chắc hẳn trước đó ông nghi rằng tôi biết mà tôi dấu ông và tôi giả vờ không biết khi ông nói cho tôi biết rằng ông ta đã tìm biết. Ông dịu giọng và chậm chậm nói:

– Ông không biết gì về vụ đó thật sao?

Chúng tôi cùng im lặng vài giây. Tôi gọi đây nói cho ông ngay trong phòng Tiếp Tân của khách sạn, khi nghe tôi nói lớn gần như là la lối, mấy viên thư ký tiếp khách của Khách sạn ngừng nhìn tôi, sau đó họ lại tiếp tục làm việc, nhưng tôi biết là họ vẫn chú ý lắng nghe xem tôi nói những gì tiếp đó. Giọng nói của Thiếu tá Trịnh trở nên nghiêm trọng hơn:

– Nếu quả thực ông không hay biết gì về chuyện này hết thì đó có nghĩa là bà vợ ông đã dấu ông. Và do đó vụ này có thể có một tầm quan trọng lớn hơn là một tai nạn thường. Theo tôi nghĩ rất có thể nó có liên hệ nhiều đến vụ bà ấy vắng mặt hôm nay. Vào năm 1954, hai tháng sau ngày chiến tranh Việt – Pháp chấm dứt và Hiệp định Genève được ký kết chia cắt đất nước... Chắc ông cũng biết thời gian đó lộn xộn lắm... Đồng bào ta di cư từ ngoài Bắc vào Nam thật đông, chánh phủ thay đổi, quyền cảnh sát ở Sài Gòn nằm trong tay Bình Xuyên... Rồi lại còn sự có mặt của quân Viễn Chinh Pháp. Tôi muốn nói rằng thời gian đó tình hình Sài Gòn lộn xộn nhiều... Bà Aline Như Ngọc phải tới Cảnh sát cuộc khai báo căn cước vì bà ấy có mặt trong

một chiếc xe hơi đụng vào một chiếc xe khác ở trên đường Sài Gòn – Cầu... Và chiếc xe hơi gây tai nạn mà bà ấy cùng đi với vài người bạn nữa là một chiếc xe hơi bị mất trộm...

Cảm nghĩ đầu tiên của tôi khi nghe Thiếu tá Trịnh nói câu đó là: chuyện này không thể có thật. Chắc chắn người phụ tá của ông này làm lộn Ngọc với ai khác. Ngọc chưa bao giờ nói với tôi về chuyện đó và đó là một chuyện rất quan trọng. Nếu có, chắc chắn là nàng phải cho tôi biết. Tôi là người đầu tiên nàng nói chuyện đó. Vợ chồng tôi có bao giờ đấu nhau chuyện gì đâu, dù chuyện thầm kín, riêng tư nhất...

Và, theo như lời Thiếu tá Trịnh nói, tai nạn trên, nếu quả là có Ngọc can dự, đã xảy ra vào khoảng 6 tháng trước ngày tôi và Ngọc kết hôn.

– Chắc là ông Thượng sĩ làm rồi, Thiếu tá. Vợ tôi không bao giờ dính líu vụ nào như thế đâu.

– Ông tin là không, nhưng chuyện gì có thực vẫn là có thực...

Ông ta đọc trên tờ giấy để trong một tập hồ sơ:

– ... Trong đêm 19 rạng 20 tháng 11 năm 1954... vào khoảng 2 giờ sáng, có một cô tên là Đỗ Thị NHƯ NGỌC, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1938, con của bà Lê thị Ngà... đương sự không có nơi cư ngụ nhất định... có mặt trong một chiếc xe Cadillac do một người đàn ông tên là... Trương Văn... Paul, tức Paul Văn, tức Tony Văn, cầm lái. Người đàn ông này là một nhân vật có thành tích bất hảo đã bị cảnh sát chú ý theo dõi từ lâu và đã có một vài án tích nhỏ. Tony Văn... hoặc là Paul Văn không có nghề nghiệp nhất định. Trong chiếc xe Cadillac đó còn có cô Trần Thị Kim Phụng. Cô Kim Phụng tự khai là nữ ca sĩ tân nhạc. Người thứ tư có mặt trong xe là một ông... ông này dường như là một nhân vật... chính trị. Theo như tôi hiểu thì nhân vật này thuộc về một giáo phái được đưa ra làm chính trị thì đúng hơn. Ông này chắc phải là một nhân vật có nhiều thế lực hồi đó cho nên tên tuổi ông ta được giữ kín và ông ta không phải tới cảnh sát cuộc để khai báo gì hết. Chắc ông cũng còn nhớ rằng thời đó cơ quan Cảnh sát Sài Gòn còn do Bình Xuyên nắm giữ.

Ông ta lật qua một tờ khác trong hồ sơ:

– ... Chiếc xe Cadillac đó là xe bị mất trộm trước đó 20 ngày. Xe đó nguyên là một chiếc xe từ ngoài Bắc đem vô. Chủ xe là một người Pháp. Đêm đó xe gây tai nạn trên đường Sài Gòn – Cầu. Họ đi chơi Cầu về. Anh chàng Paul Văn lái xe chạy hết tốc lực nên để xe đụng vào một chiếc xe du lịch khác chạy ngược chiều. Xe Cadillac có lỗi. Người lái chiếc Peugeot nạn nhân bên kia cũng là một người Pháp. Do đó vụ này được đưa đến Nha Cảnh sát Nam Việt. Sau khi gây tai nạn, chiếc Cadillac còn lao xuống ruộng. Paul Văn bị thương nặng nhất, còn những người trên xe, trong số có bà vợ ông, chỉ bị xây xát nhẹ. Ông Pháp lái xe Peugeot bị đụng cũng bị thương nhẹ. Paul Văn phải nằm nhà thương vì gãy xương ống quyển. Vụ này ra Tòa, Y bị tù 6 tháng vì tội xử dụng xe gian. Y khai Y mua lại xe này của một người quen nhưng người đó trốn mất. Tòa còn xử Y phải bồi thường 100.000 đồng tiền mặt cho ông Tây nạn nhân của Y. Hồ sơ ghi rõ là Y có ở tù, có bồi thường đủ số tiền ấy. Từ ngày Paul Văn ra tù, chúng tôi mất biệt tông tích của Y. Có thể Y đã qua Pháp. Dường như có một thời nhờ ông bố, Y có quốc tịch Pháp. Có thể là Y đã chết... Các người khác trên xe đều được xử vô can. Nhưng vì đi trên xe gian nên họ phải khai trình và do đó có phiếu lý lịch của họ trong Hồ sơ Lưu trữ của chúng tôi.

Sự việc quá rõ ràng. Bây giờ tôi có không muốn tin, tôi có muốn nghĩ là Thượng sĩ Bái và Thiếu tá Trịnh làm Ngọc với người khác, cũng không được.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn :

– Còn cô ca sĩ Kim Phụng đâu?

– Từ ngày đó cô Kim Phụng không làm việc gì để phải đến cảnh sát cuộc nên chúng tôi không biết gì hơn về cô. Tôi chắc cô ta vẫn còn ở Sài Gòn. Có điều chắc chắn cô ta không trở thành một nữ ca sĩ nổi tiếng mà thôi... Nếu ông cần địa chỉ của cô ấy, chúng tôi có thể giúp ông được, Thượng sĩ Bái sẽ tìm địa chỉ cô ta cho ông.

– Cám ơn ...

Tôi nói “Cám ơn” một cách máy móc. Vì tôi không thể nói gì hơn. Chúng tôi im lặng một lúc. Sau cùng Thiếu tá Trịnh còn nói:

– Ngay lúc này thì việc tìm ra tai nạn năm xưa này không có lợi gì cho chúng tôi hết. Chúng tôi không thể dùng nó, và chúng tôi cũng không muốn dùng nó trong việc dò tìm dấu vết của Bà Ngọc. Nhưng biết đâu sau này chúng tôi lại chẳng phải dùng đến? Ai biết? Nghề của chúng tôi là không được bỏ qua bất cứ một bằng chứng hay sự việc nào liên can đến người và việc mà chúng tôi phải điều tra, theo dõi. Chúng tôi không được bỏ qua hoặc coi thường một sự việc nào... Biết đâu chúng ta lại chẳng gặp lại anh chàng có cái tên kỳ cục và lại căng Paul Văn, Tony nào đó ở một khúc quanh của cuộc điều tra của chúng ta?? Có điều... ông cũng chẳng nên lo âu quá đáng. Chúng tôi chỉ có thể khuyên được ông như vậy...

Thiếu tá Trịnh còn nói vài câu nữa. Song tôi không nghe rõ lời ông. Bàng hoàng như người vừa qua một cơn ác mộng, tôi buông ống nói xuống và bước ra khỏi phòng Tiếp Tân của khách sạn như một người vô hồn. Với

một người đàn ông tuy là người Việt Nam nhưng không sinh trưởng ở Sài Gòn lại vừa sống nhiều năm ở ngoại quốc mới về nước, đang có cái tâm trạng của kẻ đi tìm vợ, tìm người mình yêu quý nhất đời, Saigon giờ đây, sau khi đất nước bị chia cắt làm đôi, vào ngày chủ nhật, có thể là một ngày sống buồn thảm nhất. Ở Saigon, tôi không có ai là bạn, ngoài Huy ra. Tánh tôi vốn không ưa kết bạn và Huy cũng biết tôi khó kết bạn biết là chừng nào. Tánh Huy cũng vậy. Có lẽ chính vì vậy mà thoạt đầu tiên, trong những ngày cả hai chúng ta mới ngơ ngác đặt chân vào nội trú Trường Bưởi, chúng ta đã chú ý tới nhau. Tôi cũng có vài người quen ở Saigon. Nếu về Saigon vào những dịp khác, tôi đã đến tìm họ, nhưng lần này khác. Tôi không thể đến thăm họ với bộ mặt buồn rầu của kẻ đi đưa đám ma. Họ, những người không thân thiết lắm với tôi đó, sẽ không hiểu được tại sao tôi lại có thái độ kỳ lạ đến thế nếu tôi không nói cho họ biết là vợ tôi mất tích và tôi về để tìm vợ tôi. Mà tôi thì tôi không muốn nói chuyện về Ngọc mất tích, Ngọc đi xa tôi, với ai nữa, ngoài Huy ra và Thiếu tá Trịnh. Tôi nói với Huy vì Huy đã biết từ trước và vì Huy là một phần của chính tôi, tôi nói về Ngọc, với Thiếu tá Trịnh vì cần thiết. Sáng chủ nhật, tôi buồn đến nỗi nhiều lúc tôi phải can đảm lắm mới không để cho ý nghĩ “tự tử” ám ảnh. Nếu ngày chủ nhật đầu tiên của tôi ở Saigon khi Ngọc đã mất tích ấy có Huy... Nhưng Huy đã có hẹn đi chơi “weekend” với người thân của Huy từ lâu. Tôi hiểu, vì Huy có kín đáo nói cho tôi hiểu, người mà Huy có hẹn là một thiếu phụ mà Huy có thể cưới làm vợ. Huy giữ kín danh tánh nàng vì chuyện chưa đi sâu đến giai đoạn để Huy có thể nói về người thiếu phụ ấy với các bạn của Huy. Nhưng Huy có hứa với tôi là tôi sẽ là người thứ nhất được biết tin nếu Huy cưới vợ. Tôi không muốn Huy thất hẹn nên đã đòi Huy phải đi, tôi đã cố tình tỏ ra không bằng lòng nếu Huy ở lại. Hai nữa, Huy có ở lại với tôi cũng chẳng có lợi gì cho tôi. Chúng ta đã đem việc nhờ đến cảnh sát, chúng ta phải chờ cho cảnh sát làm việc.

Huy có đề nghị tôi cùng đi. Nhưng ai lại đi như thế bao giờ. Có tôi, người thiếu phụ kia sẽ nghĩ gì về Huy, về tôi? Nhất là trong trạng thái tinh thần bất an, lo âu của tôi lúc này, tôi không muốn gặp ai, không muốn phải trò chuyện với ai hết. Bất tôi phải cười nói, vui vẻ tức là bất tôi chịu cực hình. Vì vậy, vào một buổi sáng chủ nhật, tôi thấy tôi bơ vơ, trơ trọi, cô đơn kinh khủng ở giữa quê hương tôi. Cô đơn và hiu quạnh, buồn rầu hơn cả kẻ lưu vong ở một xứ sở coi thường mình nhất. Có lẽ ở Saigon với hai triệu dân, không có kẻ nào cô đơn hơn tôi ngày chủ nhật ấy. Tuy nhiên, tôi vẫn còn đủ sáng suốt để biết rằng dù ở Saigon hay ở bất cứ đâu, với tâm trạng của tôi, tôi cũng vẫn cô đơn, bơ vơ và buồn khổ như thường. Chủ nhật tuần trước, ở ngay Nam Vang, thành phố quen thuộc của tôi, tôi chẳng buồn rầu, chẳng cô đơn là gì? Văn chương trữ tình và lãng mạn của Pháp có câu : “... *un seul être vous manqué et tout est dépeuplé* ...” Thật đúng. Khi ta yêu ai mà ta thiếu sự có mặt của người đó, mà người đó xa ta, ta thấy tất cả cuộc đời này vắng vẻ. Ngày xưa khi đọc thấy câu đó và những câu tương tự trong tiểu thuyết, tôi vẫn coi thường, cho rằng các nhà văn đã “quan trọng hóa” quá đáng sự hiện diện của tình yêu, đã đề cao quá đáng sự có mặt hay vắng mặt của người đàn bà. Nhưng... chính vì Sài Gòn này không có Ngọc, hoặc nói một cách khác, chính vì đời tôi vắng mặt Ngọc nên tôi thấy cả Sài Gòn này buồn thảm và hiu quạnh. Nghĩ lại, tôi thấy rằng dường như chủ nhật trước ở Nam Vang tôi không buồn không khổ lắm bằng chủ nhật này tôi sống ở Sài Gòn. Và tôi nghĩ ra rằng đó là vì chủ nhật trước, tôi mới chỉ xa Ngọc có ba ngày. Còn chủ nhật này, tôi xa Ngọc đã ... 10 ngày rồi. Đây là ngày chủ nhật thứ hai mà đời tôi vắng Ngọc. Đã mười ngày rồi tôi không được hôn nàng, không được hít ngửi mùi da thịt của nàng, không được chạm tay vào mình nàng, không được ôm nàng, không được nghe tiếng nàng nói ... Nhiều lúc, nhất là về ban đêm, tôi thêm khát những cảm giác trên đây mạnh đến nỗi tôi phải cố nén để khỏi hét lên ... Hét lên vì nhớ Ngọc.

Huy ơi ... để tôi kể cho Huy nghe một chuyện thâm thúy này. Tôi chợt nhớ tới nó và tôi rùng mình kinh sợ. Ngày xưa, năm tôi còn nhỏ nhưng cũng đã đủ trí khôn để suy xét và ghi nhận, tôi ở nhà bà cô tôi để học lớp Nhất Tiểu học. Cô tôi mở tiệm May âu phục. Trong số thợ của cô tôi có một anh thợ hiền lành vẫn được gọi là anh Tư. Có nhiều lúc vắng anh, các bạn đồng nghiệp của anh thường gọi anh là Tư Ho. Về sau tôi mới biết là anh có bệnh ho lao. Chắc Huy không hiểu gì hết về cuộc sống trong các nhà may đâu nhỉ? Trong nhà thợ may nào cũng vậy, có vài anh thợ may và một số các cô gái chuyên viền khuyên và đơm cúc áo, trong này gọi là “nút”. Đó là các cô “khuy nút”. Trong số thợ may của cô tôi có anh Tư Ho như đã nói. Lại có một cô khuy nút trông khá quyến rũ. Anh Tư yêu thương cô khuy nút đó và hai người lấy nhau. Chuyện rất thường, hai vợ chồng cùng làm nghề may. Mai sau, họ để dành được tiền, họ sẽ ra mở riêng một tiệm may của họ. Họ sẽ mướn người làm, họ sẽ thành ông bà chủ, con cái họ được học hành đến nơi, đến chốn sẽ có thể trở thành bác sĩ, kỹ sư ... Chuyện thật dễ. Chuyện chẳng có gì là tiểu thuyết hoặc mơ mộng quá. Có điều là với cặp vợ chồng “chồng may Tây, vợ khuy nút” này, chỉ có người chồng là yêu vợ còn chị vợ không yêu không thương chồng. Hai vợ chồng chung sống được chừng nửa năm, một hôm chị vợ đi làm rồi đi luôn không về nhà. Anh Tư đi tìm vợ khắp các tiệm may và nhà quen. Không thấy. Rồi anh như người điên, lang thang đi tìm vợ dưới trời nắng buổi trưa. Anh hỏi cả những người đi đường anh không quen biết là có thấy vợ anh ở đâu, chỉ cho

anh đến tìm ... Và sau cùng, đi tìm vợ khoảng hai, ba tháng gì đó, anh Tư chết. Anh chết trong nhà thương thí. Chết không ai biết, vì anh đi tìm vợ quá xa ... Ngày đó, tuy còn nhỏ, tôi cũng đồng ý với người lớn là anh Tư quá dại. Tại sao lại cứ nhất định phải chạy theo một người đàn bà khi người đó cố tình trốn lánh mình? Tại sao lại cứ phải yêu một người khi người đó không yêu mình? Đòi thiếu gì đàn bà? Chỉ sợ mình không có tiền, nếu có tiền thì không thiếu đàn bà đẹp. Cô ả này không yêu mình thì mình tìm cô khác, mình yêu cô khác ...

Nhưng Huy ơi, nếu tình yêu chỉ giản dị như thế thì cõi đời này đã chẳng có ai chết vì yêu, đã chẳng có những vụ tự tử giết người, chặt đầu, móc mắt, quăng lựu đạn vào nhà nhau vì yêu. Và nếu tình yêu chỉ giản dị có thể thì anh Tư Ho của tôi ngày xưa đã không chết... Và những lúc nhớ Ngọc như điên cuồng, nếu có kẻ nào đề nghị với tôi rằng ngay lúc đó, tôi có thể ôm Ngọc trong tay năm phút... chỉ năm phút thôi, rồi sau đó tôi và nàng cùng chết... tôi tin rằng tôi nhận lời ngay. Nói như vậy để Huy hiểu rằng tôi “thèm khát” nàng đến là chừng nào.